

ANALYTICAL REPORT

Sample Code :	743-2023-00002288	
Analytical Report :	AR-23-VD-008612-03-EN / EUVNHC-00198493	

BIEN HOA CONSUMER JOINT STOCK COMPANY
Bien Hoa Industrial Zone 1, An Binh Ward, Bien Hoa City
Dong Nai Province, VIETNAM

Sample described as:	Nước cốt dừa XIM – Chef's Choice
Conditioning:	The sample is kept in closed packaged
Sample reception date:	05/01/2023
Analysis Time :	06/01/2023 - 18/01/2023
Client due date :	20/01/2023
Your purchase order reference:	NA9J230105072
Eol sample code :	005-32410-149747

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Not detected (LOD=1)
2	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Not detected (LOD=1)
3	VD606 VD <i>Clostridium botulinum</i>	/ml	AOAC 977.26	Not Detected
4	VD0G7 VD (a)(d) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Not detected (LOD=1)
5	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: Agrobacter II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
6	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
7	VDA04 VD (a) <i>Qualitative GMO: Terminator NOS (iNOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Negative
8	VD0G4 VD (a) Aerobic Plate Count	cfu/ ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Not detected (LOD=1)
9	VD0GD VD Total spores of Yeasts & Moulds	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Not detected (LOD=1)
10	VD242 VD (a) pH		TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991)	6.75
11	VD290 VD (a) Sulphur dioxide (SO ₂)	mg/ l	AOAC 990.28	Not detected (LOD=3)
12	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Not detected (LOD=10)
13	VD856 VD (a) Arsenic (As)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)
14	VD887 VD (a) Tin (Sn)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Not detected (LOD=0.1)
15	VD1Z1 VD (a) Lead (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Not detected (LOD=0.01)

ANALYTICAL REPORT

NO.	PARAMETERS	UNIT	TEST METHOD	RESULTS
16	VD070 VD (a) Patulin	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Ref. AOAC 2000.02)	Not detected (LOD=5)
17	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Not detected (LOD=0.5)
18	VD821 VD (a) Aflatoxins total (B1, B2, G1, G2)	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Not detected (LOD=0.5)
19	VD630 VD Appearance AUG		EVN-R-RD-2-TP-3552	Viscous liquid, homogeneous.
20	VD630 VD Color		EVN-R-RD-2-TP-3552	White color, specific of product.
21	VD630 VD Odor		EVN-R-RD-2-TP-3552	Odor specific of product, no strange odor.
22	VD630 VD Taste		EVN-R-RD-2-TP-3552	Taste specific of product, no strange taste.

LOD: Limit Of Detection.

SIGNATURE



Nguyễn Anh Vũ
HCMC Lab Manager



Lý Hoàng Hải
General Manager Food & Feed Testing Vietnam

Report electronically validated by Nguyễn Anh Vũ 15/02/2023

EXPLANATORY NOTE

This document can only be reproduced in full; it only concerns the submitted sample.
Results have been obtained and reported in accordance with our general sales conditions available on request.
The tests are identified by a five-digit code, their description is available on request.
All test methods begin with characters EVN; A39; N79; EHC are internal methods developed by Eurofins Sac Ky Hai Dang.
"VD": These tests were performed in laboratory Eurofins Sac Ky Hai Dang (Ho Chi Minh). The symbol (a) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. The symbol (d) identifies the tests performed by this laboratory under accreditation Animal Feed Testings Lab Certificate.
(*this report cancels and replaces the previous one, numbered AR-23-VD-008612-02/743-2023-00002288 dated 07/02/2023 which must be destroyed)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2023-00002288	
Mã số kết quả :	AR-23-VD-008612-03-VI / EUVNHC-00198493	

Công ty Cổ Phần Hàng Tiêu Dùng Biên Hòa
Khu Công Nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Tên mẫu :	Nước cốt dừa XIM – Chef's Choice
Tình trạng mẫu :	Mẫu đựng trong bao bì kín
Ngày nhận mẫu :	05/01/2023
Thời gian thử nghiệm :	06/01/2023 - 18/01/2023
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	20/01/2023
Mã số PO của khách hàng :	NA9J230105072
Mã số mẫu Eol :	005-32410-149747

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD333 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ ml	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=1)
2	VD374 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ ml	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=1)
3	VD606 VD <i>Clostridium botulinum</i>	/ml	AOAC 977.26	Không phát hiện
4	VD0G7 VD (a)(d) <i>Escherichia coli</i>	cfu/ ml	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=1)
5	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Agrobacterium II (AB II) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
6	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: CAMV 35S promoter (35S) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
7	VDA04 VD (a) <i>Định tính GMO: Terminator NOS (tNOS) (LOD=0.01%)</i>		EVN-R-RD-3-TP-3892 (2019) (Ref. GMOScreen RT 35S/NOS/ABII IPC test kit)	Âm tính
8	VD0G4 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ ml	TCVN 4884-1: 2015 (ISO 4833-1:2013)	Không phát hiện (LOD=1)
9	VD0GD VD Tổng số bào tử nấm men, nấm mốc	cfu/ ml	TCVN 8275-1:2010 (ISO 21527-1:2008)	Không phát hiện (LOD=1)
10	VD242 VD (a) pH		TCVN 7806:2007 (ISO 1842:1991)	6.75
11	VD290 VD (a) Sulfur dioxide (SO ₂)	mg/ l	AOAC 990.28	Không phát hiện (LOD=3)
12	VD864 VD (a) Cholesterol	mg/ l	EVN-R-RD-1-TP-3580 (Ref. AOAC 994.10)	Không phát hiện (LOD=10)
13	VD856 VD (a) Arsen (As)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
14	VD887 VD (a) Thiếc (Sn)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-5254 (Ref. AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.1)
15	VD1Z1 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
16	VD070 VD (a) Patulin	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5629 (Ref. AOAC 2000.02)	Không phát hiện (LOD=5)
17	VD821 VD (a) Aflatoxin B1	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
18	VD821 VD (a) Aflatoxin tổng (B1, B2, G1, G2)	µg/ l	EVN-R-RD-1-TP-5060 (Ref. DIN EN 14123:2008-03)	Không phát hiện (LOD=0.5)
19	VD630 VD Màu sắc		EVN-R-RD-2-TP-3552	Màu trắng đặc trưng của sản phẩm.
20	VD630 VD Mùi		EVN-R-RD-2-TP-3552	Mùi đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ.
21	VD630 VD Trạng thái		EVN-R-RD-2-TP-3552	Đang lỏng sánh, đồng nhất.
22	VD630 VD Vị		EVN-R-RD-2-TP-3552	Vị đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ.

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Trưởng phòng thí nghiệm HCM



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 15/02/2023

Ghi chú giải thích

Tất cả các thông tin trong bản kết quả này phải được sao chép đầy đủ; bản kết quả này chỉ có giá trị với mẫu thử do khách hàng cung cấp.
 Các kết quả phân tích được thu thập và trình bày theo những điều khoản chung về cung cấp dịch vụ, các thông tin này được cung cấp theo yêu cầu của quý khách.
 Mọi phép thử được nhận diện bằng một mã số nhận dạng bao gồm 5 chữ số, thông tin mô tả của các phép thử này sẽ được cung cấp khi quý khách có yêu cầu.
 Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.
 "VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238. (d) chú thích rằng các phép thử này được công nhận theo Chứng Nhận Phòng Thử Nghiệm Thức Ăn Chăn Nuôi.
 (*Kết quả này thay cho kết quả số AR-23-VD-008612-02/743-2023-00002288, xuất ngày 07/02/2023; bản kết quả cũ sẽ bị hủy.)